

Bản án số: 165/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Bời

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 466/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **N.T.N.L**; Sinh năm: 1987; Địa chỉ: số b đường H Phan Bội Châu, phường H, thành phố N, tỉnh K.

Bị đơn: Ông **L.T.T**; Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ N, phường N, thành phố N, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà N.T.N.L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N.T.N.L và ông L.T.T kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố N, tỉnh K. Trong quá trình chung sống, giữa bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm. Hai bên đã từng ngồi lại nói chuyện nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay bà L và ông T đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, ông T không những không có ý muốn hàn gắn gia đình mà ngược lại còn nhiều lần đến quấy rối bà L khiến cuộc sống của bà L trở nên khó khăn.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà L yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà N.T.N.L và ông L.T.T có một con chung là L.T.Đ, sinh ngày 13/8/2012. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Bị đơn ông L.T.T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.T.N.L về việc được ly hôn ông L.T.T; giao con chung là L.T.Đ cho bà N.T.N.L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà N.T.N.L khởi kiện ông L.T.T về việc “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Nguyên đơn bà N.T.N.L có đơn đề nghị xét xử vắng, bị đơn ông L.T.T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N.T.N.L và ông L.T.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 133 ngày 04/7/2012. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, vì vậy bà L đã yêu cầu ly hôn ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Như vậy, có thể nhận thấy ông T cũng không tha thiết muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân với bà L. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, để các bên ổn định cuộc sống, Hội đồng xét xử nhận

thấy các yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: bà L và ông T có một con chung là L.T.Đ, sinh ngày 13/8/2012. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Đ hiện nay còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc, bản thân cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được trực tiếp nuôi con chung. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà N.T.N.L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.T.N.L.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N.T.N.L được ly hôn ông L.T.T.

1.2. *Về con chung:* Giao con chung là L.T.Đ, sinh ngày 13/8/2012 cho bà N.T.N.L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L.T.T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N.T.N.L không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà N.T.N.L phải nộp 300.000 đồng, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001507 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Do đó, bà N.T.N.L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA dân sự TP.Nha Trang;
- UBND **phường Phước Long**;
- Đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Hải